

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 -2025

*“V/v tranh chấp về không công
nhận vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lư Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1
- Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 -
Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 01/2025/TLST- HNGĐ ngày
01 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp về không công nhận vợ chồng” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm
2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị U, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: tổ 24, khu 2, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay tổ
24, khu 2 B, phường H, tỉnh Quảng Ninh);

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc S, sinh năm: 1968

Nơi cư trú: tổ 24, khu 2, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay tổ
24, khu 2 B, phường H, tỉnh Quảng Ninh);

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ
án nguyên đơn bà Phạm Thị U trình bày:*

Bà và ông Phạm Ngọc S tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung
sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 và đã có 02 con chung, tuy nhiên do
nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên đến nay bà và ông S chưa đến cơ quan nhà

nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện tại ông bà đang chung sống tại tổ 24, khu 2 B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

Quá trình chung sống đến năm 2024 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông S thường kiểm soát đánh đập, hành hạ làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của bà U. Bà U muốn ly hôn với ông S tuy nhiên do ông bà không có đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Phạm Ngọc S là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà U và ông S có 02 con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 22/11/1993 và Phạm Quang H, sinh ngày 29/11/2003. Cả hai con chung đến nay đều đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần hoặc không có khả năng lao động, bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: bà và ông S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông S không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Ngọc S trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai thể hiện:

Ông S xác nhận việc ông và bà Phạm Thị U làm đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2024 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn do bà Uyên thường ghen tuông, có những lời lẽ xúc phạm ông S. Đến nay ông S khẳng định không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với bà U nữa nên ông cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà U, đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà U là vợ chồng.

Về con chung: ông S xác nhận ông và bà U có 02 con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 22/11/1993 và Phạm Quang H, sinh ngày 29/11/2003. Cả hai con chung đến nay đều đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần hoặc không có khả năng lao động, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/8/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường H và được cung cấp thông tin: qua kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn của UBND phường B cũ (nay là UBND phường H) thì thấy không có trường hợp công dân có tên Phạm Thị U (vợ) và Phạm Ngọc S (chồng) đăng ký kết hôn tại UBND phường Đăng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị U, không công nhận bà Phạm Thị Uyên và ông Phạm Ngọc Sơn là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn – bà Phạm Thị U khởi kiện tranh chấp về việc không công nhận vợ chồng đối với bị đơn – ông Phạm Ngọc S có nơi đăng ký thường trú tại tổ 24, khu 2 B, phường H, tỉnh Quảng Ninh do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Việc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận, thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”(khoản 1 Điều 9); “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” (khoản 1 Điều 14); “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*” (khoản 2 Điều 53).

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trường*

hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...”.

Như vậy theo các quy định của pháp luật thì quan hệ giữa bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đến nay ông bà đều xác nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, ông bà có nguyện vọng không tiếp tục chung sống hay đăng ký kết hôn nữa. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S có 02 con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 22/11/1993 và Phạm Quang H, sinh ngày 29/11/2003 đến nay đều đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần hoặc không có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về tài sản chung:

Bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về nợ chung:

Bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S xác nhận vợ chồng không có nợ chung với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: bà Phạm Thị U tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không công nhận vợ chồng nên ghi nhận.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị U, không công nhận bà Phạm Thị Uyên và ông Phạm Ngọc S là vợ chồng.

Về con chung: bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S có 02 con chung là Phạm Huy B, sinh ngày 22/11/1993 và Phạm Quang H, sinh ngày 29/11/2003 đến nay đều đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần hoặc không có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung chung: bà Phạm Thị U và ông Phạm Ngọc S không có nợ chung với cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Phạm Thị U phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 04/7/2025 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004152 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Bà US đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Anh Tuấn - Trần Thị Tuyết

Nguyễn Thu Hương

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thu Hương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thu Hương

